TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2026
Về việc: *"Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc
2/ Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Trịnh Lương Hùng Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2026/TLHNGĐ- ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2026/QĐ-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1976.

Trú tại: Số I, Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trương Sỹ N, sinh năm 1976.

Trú tại: Số I, Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trương Sỹ N kết hôn với nhau vào năm 2002 tại UBND xã D, tỉnh Nghệ An. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập

quán. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường. Năm 2025 mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu ly hôn với ông Trương Sỹ N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trương Sỹ Hoài N1, sinh ngày 06/9/2000; Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009; Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay các con chung đang ở với vợ chồng tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục các con chung tên Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009; Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013 cho đến ngày các con chung trưởng thành. Con chung tên Trương Sỹ Hoài N1 hiện nay đã trưởng thành ở với ai do con chung quyết định. Tôi không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà D không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D có mặt nhưng bị đơn ông Trương Sỹ N không có mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông N được biết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Trương Sỹ N.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi các con chung tên Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009; Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013 cho đến ngày các con chung trưởng thành. Con chung tên Trương Sỹ Hoài N1 hiện nay đã trưởng thành ở với ai do con chung quyết định. Bà không yêu cầu ông Trương Sỹ N cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không có tài sản và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Sỹ N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng.

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên

đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc D được ly hôn ông Trương Sỹ N.

Về con chung: Đề nghị giao bà Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung tên Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009; Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013 cho đến ngày các con chung trưởng thành. Bà D không yêu cầu ông Trương Sỹ N cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D và bị đơnTrương Sỹ N2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 34, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Ngọc D có mặt, bị đơn ông Trương Sỹ N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không vì lí do bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Sỹ N theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Ngọc D và ông Trương Sỹ N kết hôn với nhau vào năm 2002 tại UBND xã D, tỉnh Nghệ An. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường. Năm 2025 mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu ly hôn với ông Trương Sỹ N.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã liên lạc tống đạt các văn bản của Toà án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông Trương Sỹ N được biết. Ông Trương Sỹ N biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của bà D nhưng ông N không hợp tác, không có thiện chí hợp tác và mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình, ông N không đến Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình.

Qua các tài liệu xác nhận tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông N qua hàng xóm thể hiện: Ông bà thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau. Ông Trương Sỹ N thường xuyên đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm vợ con. Vợ chồng đã tự chấm dứt chung sống, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông N tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung

không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc D được ly hôn với ông Trương Sỹ N là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét thấy nguyện vọng của các con chung đều xin ở với mẹ, ông N thường xuyên đi làm vắng nhà, không quan tâm chăm sóc các con, hơn nữa các con còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên cần tiếp tục giao bà Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung tên Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009 và Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013 cho đến ngày con chung đã thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Con chung tên Trương Sỹ Hoài N1 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc D phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc D. Cho bà Nguyễn Ngọc D được ly hôn ông Trương Sỹ N.

2. Về việc nuôi con chung: Giao bà Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung tên Trương Tuấn H, sinh ngày 15/12/2009 và Trương Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 06/10/2013 cho đến ngày các con chung đã thành niên. Bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi các con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí**:** Bà Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008467 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. (Bà Nguyễn Ngọc D đã nộp đủ theo quy định).

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Trương Sỹ N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TAND KHU VỰC 2
NJM240726.TL.QDBA
1981

Nguyễn Thị Sinh

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí**:** Bà Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008467 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng bà Nguyễn Ngọc D đã nộp đủ theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị đơn ông Trương Sỹ N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết công khai bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Thị S	